

Bản án số: 03/2021/HS-ST  
Ngày 21 - 10 - 2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA.

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Hoà;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hà Thị Chum và ông Tòng Văn Máy.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Đào Ngọc Sơn, Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Chí Công, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1.** Lò Văn L, sinh 20/8/1991; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản Hốc, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lò Văn M, sinh 1952 và bà Lò Thị O, sinh 1957; vợ Lò Thị Y, sinh 1995 và 02 con, cùng sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: ngày 19/01/2018 bị Công an huyện M, phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép” đã được xoá tiền sự; bị cáo bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 21/6/2021 đến nay; có mặt tại phiên toà.

**2.** Tòng Văn T, sinh 04/7/1989; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản Nà Lốc, thị trấn I, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Tòng Văn D, sinh 1966 và bà Tòng Thị C, sinh 1966; vợ Lò Thị H, sinh 1990 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 21/6/2021 đến nay; có mặt tại phiên toà.

**- Người bào chữa cho bị cáo Lai:** bà Cầm Kim Loan, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La; có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Lò Thị H, sinh 1990; Nơi cư trú: bản Nà Lốc, thị trấn I, huyện M, tỉnh Sơn La; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 00 phút ngày 21/6/2021, Lò Văn L điều khiển xe mô tô Honda Wave  $\alpha$  biển kiểm soát (BKS) 26B2- 187.56 chở Tòng Văn T đi đến bản T, xã M, huyện M thì gặp tổ công tác Công an xã M phối hợp cùng Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về HS-KT-MT Công an huyện M làm nhiệm vụ yêu cầu kiểm tra. Khi bị kiểm tra T đã lấy trong túi quần bên trái đang mặc ra giao nộp: 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa viên nén màu hồng, Tài khai nhận đó là ma túy. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng dẫn giải về Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện M để điều tra theo thẩm quyền.

Lò Văn L và Tòng Văn T khai về nguồn gốc ma túy: Hồi 15 giờ 25 phút, ngày 21/6/2021 Lò Văn L đi bộ đến nhà Tòng Văn T ở bản Hốc, xã N, huyện M, L rủ T “mua ma túy sử dụng”, T nói “góp mỗi người 100.000VNĐ”; Tòng Văn T cầm tiền của L 100.000VNĐ rồi lấy xe máy Honda Wave  $\alpha$  biển kiểm soát (BKS) 26B2- 187.56 của gia đình T, điều khiển chở L đi đến bản P, xã M, huyện M thì gặp một người (không biết tên, tuổi, địa chỉ), T hỏi người đàn ông và mua được 02 gói ma túy, T và L cùng nhau sử dụng 01 gói, còn lại 01 gói T cất giữ, mục đích để sử dụng chung.

Ngày 21/6/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong cân tịnh tách bì, xác định khối lượng và lấy mẫu giám định tang vật thu giữ khi bắt quả tang Tòng Văn T và Lò Văn L, như sau: 01 viên nén màu hồng trong gói nilon màu trắng có khối lượng là 0,11 gam, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định ký hiệu là TL.

Còn lại: 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 01 mảnh nilon màu trắng niêm phong lưu kho vật chứng theo quy định.

Ngày 24/6/2021 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 1187, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu TL là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,11 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,11 gam; loại Methamphetamine”.

Thực hiện điều tra, xác minh đối với người bán trái phép chất ma túy cho Lai và Tài nhưng không thu thập được tài liệu nào khác.

Thực hiện xác minh nguồn gốc phương tiện đối với xe mô tô gắn BKS 26B2- 187.56 xác định không là vật chứng trong vụ án khác; chị Lò Thị H xác định: chiếc xe máy bị thu và tạm giữ là tài sản của gia đình, việc Tòng Văn T và Lò Văn L sử dụng khi tàng trữ trái phép chất ma túy chị H không biết, đề nghị xin nhận lại chiếc xe. Ngày 18/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã quyết định trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave  $\alpha$  BKS 26B2- 187.56 cho chị Lò Thị H.

Bản cáo trạng số 70/CT-VKS-ML ngày 05/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo Lò Văn L và Tòng Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đó là do nghiện ma túy nên đã mua ma túy cất giữ, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị bắt như cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố các bị cáo Lò Văn L và Tòng Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn L từ 20 đến 24 tháng tù; xử phạt bị cáo Tòng Văn T từ 18 đến 22 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu huỷ: 01 vỏ phong bì và 01 mảnh nilon màu trắng; Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả xe máy cho chị Lò Thị H. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; buộc bị cáo T phải chịu án phí theo quy định; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí cho bị cáo L

Người bào chữa cho bị cáo L tranh luận: đồng ý với nội dung cáo trạng và lời khai bị cáo đã trình bày; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, hiểu biết về đời sống xã hội và pháp luật rất hạn chế, tuổi còn trẻ; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình, xã hội; xin được miễn án phí cho bị cáo L; các nội dung khác nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát.

Bị cáo Lò Văn L bổ sung bào chữa, tranh luận: bị cáo xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, xin được miễn án phí.

Bị cáo Tòng Văn T tự bào chữa, tranh luận: Do bản thân nghiện ma túy nên mua ma túy cất giữ, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị bắt như cáo trạng đã nêu; nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M; xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Thị H tranh luận: nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là thống nhất, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: Hồi 15 giờ 25 phút, ngày 21/6/2021, bị cáo Lò Văn L và Tòng Văn T đã cùng nhau góp mỗi người 100.000VNĐ rồi điều khiển xe mô tô Honda Wave  $\alpha$  BKS 26B2- 187.56 của gia đình Tài, chở Lai đi mua ma túy sử dụng, khi về đến bản Ta Mo, xã Mường Bú, huyện M thì gặp Tổ công tác Công an xã Mphối hợp cùng Đội Cảnh sát điều tra tội phạm Công an huyện M làm nhiệm vụ kiểm tra phát hiện bị cáo Tài cất giữ 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa viên nén màu hồng, Tài khai nhận đó là ma túy. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người quả tang, hồi 14 giờ 00 phút ngày 21/6/2021, thu giữ, niêm phong vật chứng. Tại kết luận giám định số 1187, ngày 24/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu TL là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,11 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,11 gam; loại Methamphetamine”. Như vậy, Lò Văn L và Tòng Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi cất giấu, cất giữ trái phép chất ma túy là xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lò Văn L và Tòng Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, tội phạm và hình phạt được quy định như sau: “1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: Bị cáo được Đảng và Nhà nước tuyên truyền, vận động, cấm sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, vì nghiện ma túy các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự phân công, không có sự cấu kết chặt chẽ nên chưa được coi là có tổ chức, theo quy định tại các Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự thì các bị cáo là đồng phạm giản đơn, có tính chất và giữ vai trò như nhau (L và T cùng có chung mục đích từ trước, L là người rủ, còn T là người trực tiếp lấy xe máy, điều khiển chở L tìm hỏi và trực tiếp mua, cất giữ trái phép chất ma túy, cùng góp tiền mua

như nhau) để cùng được sử dụng ma túy. Hành vi cất giấu, cất giữ trái phép chất ma túy có tổng khối lượng 0,11 gam là nguy hiểm cho xã hội; với lỗi cố ý trực tiếp các bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; tội phạm các bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hành vi phạm tội nghiêm trọng, không những làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, sự phát triển về thể chất của con người, suy giảm khả năng lao động do nghiện ma túy và kinh tế của gia đình các bị cáo mà còn ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương, là nguyên nhân gây ra những loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết các bị cáo phạm tội và đề nghị phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: các bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (luôn thể hiện sự cắn rứt lương tâm, chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo là người dân lao động, người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, vùng ba, nhận thức pháp luật hạn chế, khối lượng ma túy không lớn, mục đích tàng trữ trái phép ma túy để sử dụng, cần xem xét giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy (phiếu xét nghiệm dương tính (+) với ma túy), không có khả năng tự cải tạo nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[7] Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định: không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; các bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 21/6/2021 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[9] Đối với người bán trái phép chất ma túy cho các bị cáo, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không thu thập được tài liệu khác ngoài lời khai của các bị cáo nên không có cơ sở chứng minh, xử lý theo vụ án.

[10] Vật chứng của vụ án:

Cơ quan chức năng đã lấy mẫu giám định 0,11 gam Methamphetamine không hoàn lại mẫu giám định nên không có cơ sở xử lý.

Hiện đang lưu kho vật chứng: 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu và 01 mảnh nilon màu trắng là vật dụng bị cáo T sử dụng cất giữ trái phép chất ma túy, vật chứng không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave  $\alpha$  BKS 26B2- 187.56 là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Lò Thị H; chị H không biết việc các bị cáo sử dụng đi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã thu giữ và trả lại chủ sở hữu là đúng thẩm quyền, có căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo L là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí. Bị cáo T là người dân tộc thiểu số nhưng không ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, buộc bị cáo T phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo Lò Văn L và Tòng Văn T.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn L và Tòng Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt:

Bị cáo Lò Văn L 19 (Mười chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, giam (21/6/2021).

Bị cáo Tòng Văn T 19 (Mười chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, giam (21/6/2021). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu và tiêu hủy: 01 vỏ phong bì, 01 mảnh nilon màu trắng của Tòng Văn T.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/10/2021 giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La).

4. Về án phí:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn L.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: buộc bị cáo Tòng Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/10/2021).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- CA h.M (CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hoà**